

## 1. MỤC TIÊU

### 1.1. Kiến thức: Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Thức ăn và vai trò dinh dưỡng của vật nuôi (Bài 7)
- Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi (Bài 8)
- Bảo quản thức ăn chăn nuôi (Bài 9)
- Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi (Bài 11)

### 1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Nhận biết, thông hiểu kiến thức về thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi, cách sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn cho vật nuôi; Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi.
- Vận dụng kiến thức làm bài tập trắc nghiệm và bài viết tự luận.
- HS nắm vững hơn, hiểu rõ hơn về vai trò của thức ăn, dinh dưỡng và vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi và biết cách chăm sóc, yêu thương, nhân đạo với vật nuôi

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Ma trận:

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1.	Thức ăn và vai trò của thức ăn chăn nuôi	1		1	1	3	
2.	Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi	1	1			2	1
3.	Khẩu phần ăn cho vật nuôi	1	1		1	3	
4.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi		1		1	2	1
5.	Chế biến thức ăn chăn nuôi	1		1		2	
6.	Bảo quản thức ăn chăn nuôi	1	1	1		3	
7.	Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi	1				1	1
Tổng số câu hỏi		6	4	3	3	16	3

### 2.2. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1:** Thức ăn chăn nuôi là gì? Trình bày vai trò và ví dụ về các nhóm thức ăn với vật nuôi? Liên hệ thực tiễn?

**Câu 2:** Mô tả các phương pháp sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi? Nêu ưu nhược điểm của từng phương pháp?

**Câu 3:** Trình bày các khái niệm: Nhu cầu dinh dưỡng, Tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của vật nuôi? Cho ví dụ minh họa?

**Câu 4:** Mô tả các phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi? Ưu nhược điểm của từng phương pháp và liên hệ thực tế địa phương em?

**Câu 5:** Khái niệm bệnh? Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi? Cho ví dụ minh họa?

### 2.3. Câu hỏi trắc nghiệm:

#### Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi

#### Câu 1. Thức ăn chăn nuôi là gì?

- A. Là sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua chế biến.
- B. Là sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng bổ sung các chất khoáng đa lượng
- C. Là sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng vitamin
- D. Là sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng giàu protein

#### Câu 2. Thức ăn chăn nuôi có vai trò

- A. Cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của cơ thể
- B. Cung cấp dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể hoạt động, sinh trưởng phát triển và tạo sản phẩm
- C. Cung cấp đủ protein để vật nuôi ngủ ngon hơn
- D. Cung cấp năng lượng cho việc nuôi cơ thể

**Câu 3. Thức ăn chăn nuôi bao gồm các thành phần sau**

- A. Nước chiếm thành phần chủ yếu
- C. Nước, vật chất khô (các chất hữu cơ, khoáng, vitamin)
- B. Vật chất khô chiếm thành phần chủ yếu
- D. Tinh bột chiếm thành phần chủ yếu

**Câu 4. Thức ăn chăn nuôi có các dạng:**

- A. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh
- C. Thức ăn truyền thống có sẵn ở địa phương
- B. Thức ăn đậm đặc và thức ăn bổ sung
- D. Tất cả các loại thức ăn trên

**Câu 5. Vai trò của nhóm thức ăn giàu năng lượng**

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm
- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 6. Vai trò của nhóm thức ăn giàu protein**

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm
- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 7. Vai trò của nhóm thức ăn giàu khoáng**

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm
- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 8. Vai trò của nhóm thức ăn giàu vitamin**

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm
- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 9. Loại thức ăn nào sau là thức ăn giàu năng lượng**

- A. Bất ngô
- B. Thân cây ngô
- C. Rau muống
- D. Bột vỏ xò

**Câu 10. Loại thức ăn nào sau là thức ăn giàu protein**

- A. Rau muống
- B. Thân cây ngô
- C. Khô dầu đậu nành
- D. Bột vỏ xò

**Câu 11. Loại thức ăn nào sau là thức ăn giàu khoáng**

- A. Rau muống
- B. Thân cây ngô
- C. Rơm
- D. Bột vỏ xò

**Câu 12. Loại thức ăn nào sau là thức ăn giàu vitamin**

- A. Thân cây ngô đã thu bắp
- B. Quả bí ngô
- C. Rơm
- D. Bột vỏ xò

**Câu 13. Premix là sản phẩm như thế nào?**

- A. Là sản phẩm hỗn hợp có đầy đủ và cân đối các thành phần dinh dưỡng có sẵn cho vật nuôi ăn.
- B. Là sản phẩm giàu năng lượng được sử dụng riêng cho gà đẻ trứng
- C. Hỗn hợp các chất giàu dinh dưỡng có hoạt tính sinh học cao (khoáng, vitamin,...) được trộn sẵn dùng để bổ sung vào thức ăn chăn nuôi
- D. Là sản phẩm giàu protein được sử dụng riêng cho bò đang chu kỳ vắt sữa

**Câu 14. Thế nào là nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi**

- A. Là lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, và các hoạt động sinh lí trong trạng thái ổn định cân nặng, không tạo sản phẩm
- B. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm
- C. Là lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm như tạo sữa, nuôi thai, tạo trứng, sức kéo,...
- D. Là mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi đó.

**Câu 15. Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi phụ thuộc vào:**

- A. Loài, giống, tuổi, tính biệt, khả năng sản xuất của vật nuôi
- C. Giống vật nuôi
- B. Khả năng sản xuất của vật nuôi
- D. Giai đoạn phát triển của cơ thể

**Câu 16. Nhu cầu dinh dưỡng có vai trò**

- A. Là căn cứ để xác định tiêu chuẩn ăn của vật nuôi
- B. Là căn cứ để xác định khẩu phần ăn của vật nuôi

C. Là căn cứ quan trọng để xác định tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của vật nuôi

D. Là căn cứ quan trọng để lựa chọn các loại thức ăn đất hoặc rế tiền.

**Câu 17. Nhu cầu dinh dưỡng được phân loại là**

A. Tiêu chuẩn ăn chính và tiêu chuẩn ăn bổ sung

B. Nhu cầu ăn ban ngày và nhu cầu ăn ban đêm

C. Tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn

D. Nhu cầu duy trì và nhu cầu sản xuất

**Câu 18. Nhu cầu duy trì là:**

A. Là lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, và các hoạt động sinh lí trong trạng thái ổn định cân nặng, không tạo sản phẩm

B. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm

C. Là lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm như tạo sữa, nuôi thai, tạo trứng, sức kéo,...

D. Là mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi đó.

**Câu 19. Nhu cầu sản xuất là**

A. Là lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, và các hoạt động sinh lí trong trạng thái ổn định cân nặng, không tạo sản phẩm

B. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm

C. Là lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm như tạo sữa, nuôi thai, tạo trứng, sức kéo,...

D. Là mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi đó.

**Câu 20. Lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, ổn định cân nặng:**

A. Nhu cầu duy trì

B. Nhu cầu sản xuất

C. Nhu cầu dinh dưỡng

D. Nhu cầu sức

kéo

**Câu 21. Lượng chất dinh dưỡng để tăng cân, tạo sản phẩm, nuôi thai,... là**

A. Nhu cầu duy trì

B. Nhu cầu sản xuất

C. Nhu cầu dinh dưỡng

D. Nhu cầu sức

kéo

**Câu 22. Khái niệm tiêu chuẩn ăn của vật nuôi**

A. Là lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, và các hoạt động sinh lí trong trạng thái ổn định cân nặng, không tạo sản phẩm

B. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm

C. Là lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm như tạo sữa, nuôi thai, tạo trứng, sức kéo,...

D. Là mức ăn cần cung cấp cho một vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi đó.

**Câu 23. Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị**

A. Chỉ số duy trì

B. Chỉ số sản xuất

C. Chỉ số dinh dưỡng

D. Chỉ số sức kéo

**Câu 24. Xây dựng tiêu chuẩn ăn của vật nuôi bằng cách nào sau?**

A. Thí nghiệm đối với từng loài, từng độ tuổi, khối lượng, trạng thái sinh lí, khả năng sản xuất.

B. Thí nghiệm đối với từng loài, từng độ tuổi khác nhau.

C. Thí nghiệm đối với từng trạng thái sinh lí khác nhau.

D. Dự đoán nhu cầu dinh dưỡng và áp dụng theo dự đoán

**Câu 25. Xây dựng tiêu chuẩn ăn cho bò sữa đang giai đoạn tiết sữa bằng cách:**

A. Vật nuôi ăn các chế độ giống nhau

B. Dự đoán nhu cầu dinh dưỡng và áp dụng theo dự đoán

C. Dựa vào nguồn thức ăn hoang dã

D. Thí nghiệm trên từng đối tượng bò cái hướng sữa ở các cá thể và độ tuổi khác nhau

**Câu 26. Protein trong thức ăn có vai trò gì?**

A. Vật nuôi ăn vào sẽ sử dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, tạo các mô cơ thể và tạo sản phẩm

B. Giúp cơ thể vật nuôi sinh nhiều con hơn

C. Giúp vật càng ngày càng sinh trưởng, phát triển mạnh

D. Giúp vật nuôi tăng vượt trội sản phẩm.

**Câu 27. Khoáng nào sau đây là khoáng đa lượng**

A. Fe, Cu, Mn, Co, Zn,...

B. Ca, P, Mg, Na, Cl,...

C. Ca, P, Cu, Fe,...

D. N, P, K, S, C,...

**Câu 28. Khoáng nào sau đây là khoáng vi lượng**

A. N, P, K, S, C,...

B. Ca, P, Mg, Na, Cl,...

C. Ca, P, Cu, Fe,...

D. Fe, Cu, Mn, Co, Zn,...

**Câu 29. Vai trò của khoáng đa lượng**

A. Vật nuôi ăn vào sẽ sử dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, tạo các mô cơ thể và tạo sản phẩm

- B. Giúp cơ thể vật nuôi sinh nhiều con hơn
- C. Tham gia vào các hoạt động sinh lí như cơ cơ, dẫn truyền xung thần kinh
- D. Giúp vật nuôi tăng vượt trội sản phẩm.

**Câu 30. Vai trò của khoáng vi lượng**

- A. Vật nuôi ăn vào sẽ sử dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, tạo các mô cơ thể và tạo sản phẩm
- B. Giúp cơ thể vật nuôi sinh nhiều con hơn
- C. Giúp vật càng ngày càng sinh trưởng, phát triển mạnh
- D. Là thành phần cấu trúc bắt buộc của các enzyme xúc tác cho các phản ứng sinh hóa trong tế bào

**Câu 31. Đơn vị tính năng lượng trong thức ăn cung cấp cho cơ thể:**

- A. Kcal, J
- B. % dạng thô trong VCK
- C. g/con/ngày
- D. mg/con/ngày

**Câu 32. Đơn vị tính protein trong thức ăn cung cấp cho cơ thể:**

- A. Kcal, J
- B. % dạng thô trong VCK
- C. g/con/ngày
- D. mg/con/ngày

**Câu 33. Đơn vị tính khoáng đa lượng trong thức ăn cung cấp cho cơ thể:**

- A. Kcal, J
- B. % dạng thô trong VCK
- C. g/con/ngày
- D. mg/con/ngày

**Câu 34. Đơn vị tính khoáng vi lượng trong thức ăn cung cấp cho cơ thể:**

- A. Kcal, J
- B. % dạng thô trong VCK
- C. g/con/ngày
- D. mg/con/ngày

**Câu 35. Đơn vị tính vitamin trong thức ăn cung cấp cho cơ thể:**

- A. Kcal, J
- B. UI
- C. g/con/ngày
- D. mg/con/ngày

**Câu 36. Vai trò của vitamin đối với cơ thể vật nuôi**

- A. Vật nuôi ăn vào sẽ sử dụng để tổng hợp các hoạt chất sinh học, tạo các mô cơ thể và tạo sản phẩm
- B. Giúp cơ thể vật nuôi sinh nhiều con hơn
- C. Điều hòa quá trình trao đổi chất của tế bào
- D. Là thành phần cấu trúc bắt buộc của các enzyme xúc tác cho các phản ứng sinh hóa trong tế bào

**Câu 37. Khái niệm khẩu phần ăn của vật nuôi**

- A. Là lượng chất dinh dưỡng tối thiểu để vật nuôi tồn tại, duy trì thân nhiệt, và các hoạt động sinh lí trong trạng thái ổn định cân nặng, không tạo sản phẩm
- B. Là lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm
- C. Là lượng chất dinh dưỡng để tăng khối lượng cơ thể và tạo sản phẩm như tạo sữa, nuôi thai, tạo trứng, sức kéo,...
- D. Là tiêu chuẩn ăn đã được cụ thể hóa bằng các loại thức ăn xác định với khối lượng, tỉ lệ nhất định

**Câu 38. Nguyên tắc thiết lập khẩu phần ăn cho vật nuôi được dựa trên cơ sở:**

- A. Tính khoa học (Đúng tiêu chuẩn ăn, hợp khẩu vị, dễ tiêu hóa) ăn.
- B. Tính kinh tế (dễ kiểm tìm, tiết kiệm chi phí thức)
- C. Tính khoa học (Đúng tiêu chuẩn ăn, hợp khẩu vị, dễ tiêu hóa) ăn và tính kinh tế (dễ kiểm tìm, tiết kiệm chi phí thức)
- D. Không cần thiết

**Câu 39. Phối trộn thức ăn cho vật nuôi có vai trò**

- A. Dễ dàng xây dựng chế độ ăn phù hợp cho vật nuôi
- B. Đầy đủ và cân đối các thành phần dinh dưỡng cho vật nuôi
- C. Nâng cao giá trị sản xuất, giảm chi phí trong chăn nuôi
- D. Tất cả các ý

**Câu 40. Đá liếm là sản phẩm cung cấp khoáng chất cho vật nuôi nào sau?**

- A. Bò sữa
- B. Lợn nái
- C. Gà đẻ trứng
- D. Chó, mèo

**Câu 41. Đá liếm có vai trò gì đối với vật nuôi?**

- A. Bỏ sung năng lượng
- B. Bỏ sung khoáng chất
- C. Thuần hóa bò hoang dã
- D. Bỏ sung vitamin C

**Câu 42. Canxi (Ca) thuộc loại chỉ số dinh dưỡng nào của thức ăn?**

- A. Năng lượng
- B. Protein
- C. Khoáng chất
- D. Vitamin

**Câu 43. Vitamin gồm các loại sau:**

- A. N, P, K, S, C,...
- B. Ca, P, Mg, Na, Cl,...
- C. Ca, P, Cu, Fe,...
- D. A, nhóm B, C, D, E, K

**Câu 44. Loại thức ăn nào sau giàu khoáng chất và vitamin**

- A. Rau xanh và củ quả tươi
- B. Bột ngô, bột sắn
- C. Rơm rạ, cỏ khô
- D. Khô dầu

**Câu 45. Loại thức ăn nào sau giàu chất xơ**

- A. Rau xanh và củ quả tươi
- B. Bột ngô, bột sắn
- C. Rơm rạ, cỏ khô
- D. Khô dầu

**Câu 46. Vai trò lớn nhất của chất xơ đối với con gà là:**

- A. Cung cấp dinh dưỡng
- B. Cung cấp acid amin thiết yếu
- C. Tạo khuôn phân
- D. Tạo vỏ trứng gà

**Câu 47. Thức ăn nào sau giàu năng lượng, nghèo protein**

- A. Rau xanh và củ quả tươi
- B. Bột ngô, bột sắn
- C. Rơm rạ, cỏ khô
- D. Khô dầu

**Câu 48. Amino acid thiết yếu có trong loại thức ăn nào sau?**

A. Bột thịt xương                      B. Bột cám gạo                      C. Bột ngô                      D. Bột cỏ khô

**Câu 49. Công thức nào sau đây là tiêu chuẩn ăn của vật nuôi**

- A. Bột ngô, bột cám gạo, bột sắn                      B. 8000 kcal  
C. Cám loại 2: 1,5 kg; ngô: 0,45 kg; bột cá: 0,1 kg; khô dầu lạc: 0,2 kg  
D. Năng lượng 7000: Kcal; protein: 308 g; Ca: 16 g; P: 11 g; NaCl: 11 g

**Câu 50. Công thức nào sau đây là khẩu phần ăn của vật nuôi**

- A. Bột ngô, bột cám gạo, bột sắn                      B. 8000 kcal  
C. Cám loại 2: 1,5 kg; ngô: 0,45 kg; bột cá: 0,1 kg; khô dầu lạc: 0,2 kg  
D. Năng lượng 7000: Kcal; protein: 308 g; Ca: 16 g; P: 11 g; NaCl: 11 g

**Bài 8, 9: Sản xuất – chế biến – bảo quản thức ăn chăn nuôi**

**Câu 51. Thức ăn truyền thống được sản xuất bằng cách nào**

- A. Thu nhận các sản phẩm và phụ phẩm trồng trọt (thóc, ngô, khoai, sắn, cám gạo, cỏ, rom rạ,...)  
B. Thu nhận các sản phẩm ăn bị thừa  
C. Thu mua, nhập các thức ăn tốt từ địa phương khác.  
D. Sản xuất các loại thức ăn theo dây truyền công nghệ hiện đại

**Câu 52. Ưu điểm của phương pháp sản xuất thức ăn theo truyền thống**

- A. Dễ kiểm, chi phí rẻ, thuận tiện.                      C. Chi phí rẻ  
B. Dễ sử dụng cho vật nuôi.                      D. Dễ kiểm, chi phí rẻ, thuận tiện, dễ sử dụng cho vật nuôi.

**Câu 53. Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột**

- 1- Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
2- Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ kích thước phù hợp  
3- Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
4- Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn  
A. 1-2-3-4                      B. 4-3-2-1                      C. 4-2-3-1                      D. 1-3-2-4

**Câu 54. Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên**

- 1- Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
2- Làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ kích thước phù hợp  
3- Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
4- Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn  
5- Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm  
6- Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên  
A. 1-2-3-4-5-6                      B. 6-5-4-3-2-1                      C. 4-2-3-6-5-1                      D. 1-3-2-4-6-5

**Câu 55. Sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên khác sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột là:**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên; Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm  
B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn

**Câu 56. Lựa chọn nguyên liệu trong sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh được tiến hành**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên; Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm  
B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn, không bị mốc, mọt, kiến

**Câu 57. Bước phối trộn nguyên liệu được tiến hành như sau:**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên; Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm  
B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn

**Câu 58. Sản phẩm đóng bao bảo quản được đảm bảo theo tiêu chuẩn nào?**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên;  
B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi  
C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, dán nhãn, khâu liền mép bao, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng  
D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn

**Câu 59. Hồ hóa tinh bột được tiến hành như thế nào?**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột.
- B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi
- C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng
- D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn

**Câu 60. Để ép thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh thành dạng viên, cần thực hiện:**

- A. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn
- B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi
- C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng
- D. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên; Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm

**Câu 61. Phương pháp cắt ngắn áp dụng với loại thức ăn nào sau?**

- A. Cỏ voi loại 1
- B. Bắp ngô
- C. Đậu mè
- D. Củ sắn tươi

**Câu 62. Phương pháp nấu chín áp dụng với loại thức ăn nào sau?**

- A. Cỏ voi loại 1
- B. Bắp ngô
- C. Thân cây ngô
- D. Củ sắn tươi

**Câu 63. Phương pháp nghiền nhỏ áp dụng với loại thức ăn nào sau?**

- A. Cỏ voi loại 1
- B. hạt ngô
- C. Đậu mè
- D. Củ sắn tươi

**Câu 64. Vai trò của phương pháp cắt ngắn thức ăn chăn nuôi**

- A. Phù hợp với các loại vật nuôi khác nhau được thuận tiện trong quá trình ăn
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 65. Vai trò của phương pháp nấu chín thức ăn chăn nuôi**

- A. Phù hợp với các loại vật nuôi khác nhau được thuận tiện trong quá trình ăn
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 66. Vai trò của phương pháp nghiền nhỏ thức ăn chăn nuôi**

- A. Phù hợp với các loại vật nuôi khác nhau được thuận tiện trong quá trình ăn
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 67. Phương pháp đường hóa thức ăn chăn nuôi được thực hiện như thế nào?**

- A. Lên men tinh bột bằng nấm men ở điều kiện phù hợp
- B. Lên men lactic thức ăn xanh ở điều kiện phù hợp
- C. Tưới dung dịch kiềm với nồng độ phù hợp để ủ các sản phẩm thức ăn thô, khô, xơ.
- D. Thủy phân tinh bột nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu ở điều kiện phù hợp

**Câu 68. Phương pháp xử lý kiềm thức ăn chăn nuôi được thực hiện như thế nào?**

- A. Lên men tinh bột bằng nấm men ở điều kiện phù hợp
- B. Lên men lactic thức ăn xanh ở điều kiện phù hợp
- C. Tưới dung dịch kiềm với nồng độ phù hợp để ủ các sản phẩm thức ăn thô, khô, xơ.
- D. Thủy phân tinh bột nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu ở điều kiện phù hợp

**Câu 69. Loại thức ăn chăn nuôi nào sau áp dụng phương pháp đường hóa**

- A. Ngô, khoai, cám gạo
- B. Rơm rạ, cỏ khô, thân ngô sau thu bắt
- C. Cỏ xanh, thân cây họ đậu không non không già
- D. Đậu mè, khoai tây, đậu tương, sắn tươi

**Câu 70. Loại thức ăn chăn nuôi nào sau áp dụng phương pháp xử lý kiềm**

- A. Ngô, khoai, cám gạo
- B. Rơm rạ, cỏ khô, thân ngô sau thu bắt
- C. Cỏ xanh, thân cây họ đậu không non không già
- D. Đậu mè, khoai tây, đậu tương, sắn tươi

**Câu 71. Vai trò của phương pháp ủ chua**

- A. Nâng cao giá trị dinh dưỡng trong thức ăn đồng thời làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 72. Phương pháp ủ chua được thực hiện như thế nào?**

- A. Sử dụng VSV có ích để ủ thức ăn trong điều kiện yếm khí, nhiệt độ 25 – 30°C
- B. Nấu chín thức ăn để khử một số chất độc trong đó
- C. Tưới dung dịch kiềm với nồng độ phù hợp để ủ các sản phẩm thức ăn thô, khô, xơ.
- D. Thủy phân tinh bột nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu ở điều kiện phù hợp

**Câu 73. Ủ chua là phương pháp thuộc nhóm chế biến nào sau?**

- A. Phương pháp vật lý
- B. Phương pháp hóa học

- C. Phương pháp sử dụng VSV
- D. Phương pháp thu gom thức ăn chăn nuôi

**Câu 74. Vai trò của phương pháp đường hóa thức ăn chăn nuôi**

- A. Phù hợp với các loại vật nuôi khác nhau được thuận tiện trong quá trình ăn
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 75. Vai trò của phương pháp xử lý kiềm thức ăn chăn nuôi?**

- A. Phù hợp với các loại vật nuôi khác nhau được thuận tiện trong quá trình ăn
- B. Tăng hàm lượng nitrogen và giúp quá trình tiêu hóa chất xơ dễ dàng hơn.
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 76. Các sản phẩm nào sau là sản phẩm được chế biến từ phương pháp vi sinh?**

- A. Sản được nấu chín sau đó vật nuôi sử dụng trực tiếp
- B. Cỏ khô, rơm rạ được ủ với chất kiềm
- C. Các loại hạt được phơi khô nghiền nhỏ
- D. Cây ngô, ngọn sắn, ngọn lá mía, cỏ xanh

**Câu 77. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi có vai trò:**

- A. Thức ăn đa dạng, đáp ứng cho nhiều loại vật nuôi
- B. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí cho sản xuất an toàn
- C. Sạch, bảo quản được lâu
- D. Tất cả các ý

**Câu 78. Ứng dụng công nghệ cao tạo ra những sản phẩm nào sau**

- A. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh
- B. Thức ăn đậm đặc và thức ăn bổ sung
- C. Thức ăn truyền thống có sẵn ở địa phương
- D. Tất cả các loại thức ăn trên

**Câu 79. Vi sinh vật nào sau được sử dụng lên men thức ăn giàu tinh bột, nghèo protein**

- A. Nấm men
- B. Nấm mốc
- C. Vi khuẩn lactic
- D. Virut

**Câu 80. Vi khuẩn lactic được sử dụng lên men loại thức ăn nào sau:**

- A. Thức ăn thô
- B. Thức ăn xanh
- C. Thức ăn tinh
- D. Thức ăn hỗn hợp đậm đặc

**Câu 81. Thức ăn được xử lý kiềm phù hợp với vật nuôi nào sau?**

- A. Trâu, bò, dê, cừu
- B. Lợn choai, lợn nái
- C. Gia cầm
- D. Chó, mèo

**Câu 82. Vai trò của ứng dụng công nghệ vi sinh trong chế biến thức ăn giàu tinh bột nghèo protein**

- A. Biến thức ăn nghèo protein thành thức ăn giàu protein
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**Câu 83. Thức ăn sản xuất từ ứng dụng công nghệ vi sinh có đặc điểm**

- A. Hàm lượng protein cao hơn
- B. Thơm ngon hơn, dinh dưỡng hơn
- C. Bảo quản được lâu hơn
- D. Tất cả các ý

**Câu 84. Ý nghĩa của công tác bảo quản thức ăn chăn nuôi**

- A. Ngăn chặn hoặc làm chậm quá trình hư hỏng thức ăn
- B. Làm giảm quá trình oxi hóa của lipid
- C. Ngăn chặn sự phát triển của nấm men, nấm mốc, vi khuẩn
- D. Tất cả các ý

**Câu 85. Bảo quản thức ăn chăn nuôi trong nhà kho có vai trò**

- A. Thuận tiện, an toàn
- B. An toàn, dễ sử dụng
- C. Dễ sử dụng
- D. Thuận tiện, an toàn, dễ sử dụng

**Câu 86. Nguyên lý của bảo quản thức ăn bằng phương pháp làm khô**

- A. Hàm lượng nước trong thức ăn giảm còn 20 – 25% sẽ kìm hãm sự hoạt động của các enzyme có trong tế bào thực vật và sự phân hủy của vi sinh vật
- B. Hàm lượng nước trong thức ăn giảm còn 10 – 15% sẽ kìm hãm sự hoạt động của các enzyme có trong tế bào thực vật và sự phân hủy của vi sinh vật
- C. Hàm lượng nước trong thức ăn giảm còn 30 – 35% sẽ kìm hãm sự hoạt động của các enzyme có trong tế bào thực vật và sự phân hủy của vi sinh vật
- D. Hàm lượng nước trong thức ăn giảm còn 40 – 45% sẽ kìm hãm sự hoạt động của các enzyme có trong tế bào thực vật và sự phân hủy của vi sinh vật

**Câu 87. Làm khô thức ăn chăn nuôi có lợi ích**

- A. Hạn chế sự phá hại của nấm, vi khuẩn
- B. Sản phẩm bảo quản được lâu
- C. Dự trữ được cho mùa khan hiếm thức ăn
- D. Tất cả các ý

**Câu 88. Chất bảo quản có nguồn gốc sinh học có khả năng phân giải chất hữu cơ là**

- A. Các enzym như Cellulase, hemicellulase, xylanase, amylase
- B. Hoạt chất sinh học có tính kháng khuẩn cao như bacteriocin, nisin,...

C. Các chất Cellulose, hemicellulose, lignin, ...

D. Tất cả các ý

**Câu 88. Chất bảo quản có nguồn gốc sinh học có tính kháng khuẩn dùng bảo quản thức ăn:**

A. Các enzym như Cellulase, hemicellulase, xylanase, amylase

B. Hoạt chất sinh học có tính kháng khuẩn cao như bacteriocin, nisin,...

C. Các chất Cellulose, hemicellulose, lignin, ...

D. Tất cả các ý

**Câu 90. Ưu điểm của bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho si lô**

A. Sức chứa lớn lên đến 1000 tấn, tiết kiệm diện tích

B. Có thể tự động hóa, tiết kiệm chi phí lao động

C. Ngăn chặn được sự phá hoại của động vật, vi sinh vật gây hại

D. Sức chứa lớn lên đến 1000 tấn, tiết kiệm diện tích, có thể tự động hóa, tiết kiệm chi phí lao động, ngăn chặn được sự phá hoại của động vật, vi sinh vật gây hại

**Câu 91. Loại vi sinh vật nào sau được dùng để chế biến, bảo quản thức ăn**

A. Mọt

B. Nấm mốc

C. Nấm men

D. Vi rút

**Câu 92. Loại sinh vật nào sau làm hỏng và gây độc thức ăn**

A. Vi khuẩn lactic

B. Nấm mốc

C. Nấm men

D. Vi rút

**Câu 93. Loại sinh vật nào sau không làm hỏng thức ăn chăn nuôi**

A. Chuột

B. Châu chấu

C. Mọt gạo

D. Kiến

**Câu 94. Cách chất nào sau có nguồn gốc sinh học được sử dụng để bảo quản thức ăn chăn nuôi**

A. Bacteriocin

B. Hemicellulose

C. Ligin

D. Tinh bột

**Câu 95. Virut là loại vi sinh vật sử dụng chế biến thức ăn nào sau**

A. Ngô, khoai, cám gạo

C. Tất cả các loại thức ăn kể trên

B. Rơm rạ, cỏ khô, thân ngô sau thu bắt

D. Không có loại thức ăn nào

**Câu 96. Các chất kiềm NaOH, Ca(OH)<sub>2</sub>, Urea được sử dụng với loại thức ăn nào sau?**

A. Ngô, khoai, cám gạo

C. Cỏ xanh, thân cây họ đậu không non không già

B. Rơm rạ, cỏ khô, thân ngô sau thu bắt

D. Đậu mè, khoai tây, đậu tương, sắn tươi

**Câu 97. Bảo quản thức ăn trong nhà kho bằng cách đổ rời cần chú ý điều gì?**

A. Sàn kho phải được lót bạt chống ẩm, đặt thông hơi tại vị trí định sẵn

B. Chất liệu làm bao phải bền, chống ẩm; các bao phải được xếp lên kệ, không để trực tiếp trên sàn, không kê sát tường.

C. Chất liệu làm bao phải bền, được xếp lên trực tiếp trên sàn, kê sát tường.

D. các bao phải được xếp lên kệ, để trực tiếp trên sàn, không kê sát tường.

**Câu 98. Bảo quản thức ăn trong nhà kho bằng cách đóng bao cần chú ý điều gì?**

A. Sàn kho phải được lót bạt chống ẩm, đặt thông hơi tại vị trí định sẵn

B. Chất liệu làm bao phải bền, chống ẩm; các bao phải được xếp lên kệ, không để trực tiếp trên sàn, không kê sát tường.

C. Chất liệu làm bao phải bền, được xếp lên trực tiếp trên sàn, kê sát tường.

D. các bao phải được xếp lên kệ, để trực tiếp trên sàn, không kê sát tường.

**Câu 99. Chất hữu cơ trong cây thức ăn vật nuôi chứa các chất hữu cơ khó tiêu nào sau:**

A. Cellulose

B. Hemicellulase

C. Bacteriocin

D. Amilase

**Câu 100. Để phân giải cellulose trong cây thức ăn cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, cần sử dụng enzym nào sau?**

A. Cellulase

B. Hemicellulose

C. Bacteriocin

D. Amilase

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI  
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023 -2024

Môn thi: Công Nghệ 11 (45 phút)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề:.....

Họ tên HS-lớp: .....

2.4. Đề minh họa:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

**Câu 1** Thức ăn chăn nuôi có các dạng:

A. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh

C. Thức ăn truyền thống có sẵn ở địa phương

B. Thức ăn đậm đặc và thức ăn bổ sung

D. Tất cả các loại thức ăn trên

**Câu 2.** Vai trò của nhóm thức ăn giàu năng lượng

A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm



- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 3. Vai trò của nhóm thức ăn giàu protein**

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống : di chuyển, hô hấp, tiêu hóa, tham gia tạo sản phẩm
- B. Nguyên liệu để tổng hợp các protein đặc trưng của cơ thể
- C. Tham gia cấu trúc xương, máu, enzym, hormone xúc tác, điều hòa phản ứng sinh hóa của cơ thể
- D. Điều hòa quá trình trao đổi chất và tăng sức đề kháng cho cơ thể

**Câu 4. Đá liếm là sản phẩm cung cấp khoáng chất cho vật nuôi nào sau?**

- A. Bò sữa
- B. Lợn nái
- C. Gà đẻ trứng
- D. Chó, mèo

**Câu 5. Đá liếm có vai trò gì đối với vật nuôi?**

- A. Bổ sung năng lượng
- B. Bổ sung khoáng chất
- C. Thuận hóa bò hoang dã
- D. Bổ sung vitamin C

**Câu 6. Canxi (Ca) thuộc loại chỉ số dinh dưỡng nào của thức ăn?**

- A. Năng lượng
- B. Protein
- C. Khoáng chất
- D. Vitamin

**Câu 7. Vitamin gồm các loại sau:**

- A. N, P, K, S, C,...
- B. Ca, P, Mg, Na, Cl,...
- C. Ca, P, Cu, Fe,...
- D. A, nhóm B, C, D, E, K

**Câu 8. Loại thức ăn nào sau giàu khoáng chất và vitamin**

- A. Rau xanh và củ quả tươi
- B. Bột ngô, bột sắn
- C. Rơm rạ, cỏ khô
- D. Khô dầu

**Câu 9. Hồ hóa tinh bột được tiến hành như thế nào?**

- A. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột.
- B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi
- C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng
- D. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn

**Câu 10. Để ép thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh thành dạng viên, cần thực hiện:**

- A. Lựa chọn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn
- B. Phối trộn nguyên liệu theo tỷ lệ nhất định phù hợp với từng loại vật nuôi
- C. Đóng bao, bảo quản đúng tiêu chuẩn, kiểm tra ngẫu nhiên độ ẩm 1 lần/tháng
- D. Làm ẩm, phối trộn phụ gia (rỉ mật, dầu mỡ), phun hơi nước nóng để hồ hóa tinh bột, ép viên; Hạ nhiệt độ làm khô viên thức ăn để đảm bảo chất lượng sản phẩm

**Câu 11. Phương pháp cắt ngắn áp dụng với loại thức ăn nào sau?**

- A. Cỏ voi loại 1
- B. Bắp ngô
- C. Đậu mè
- D. Củ sắn tươi

**Câu 12. Ứng dụng công nghệ cao tạo ra những sản phẩm nào sau**

- A. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh
- B. Thức ăn đậm đặc và thức ăn bổ sung
- C. Thức ăn truyền thống có sẵn ở địa phương
- D. Tất cả các loại thức ăn trên

**Câu 13. Vi sinh vật nào sau được sử dụng lên men thức ăn giàu tinh bột, nghèo protein**

- A. Nấm men
- B. Nấm mốc
- C. Vi khuẩn lactic
- D. Virus

**Câu 14. Vi khuẩn lactic được sử dụng lên men loại thức ăn nào sau:**

- A. Thức ăn thô
- B. Thức ăn xanh
- C. Thức ăn tinh
- D. Thức ăn hỗn hợp đậm đặc

**Câu 15. Thức ăn được xử lý kiềm phù hợp với vật nuôi nào sau?**

- A. Trâu, bò, dê, cừu
- B. Lợn choai, lợn nái
- C. Gia cầm
- D. Chó, mèo

**Câu 16. Vai trò của ứng dụng công nghệ vi sinh trong chế biến thức ăn giàu tinh bột nghèo protein**

- A. Biến thức ăn nghèo protein thành thức ăn giàu protein
- B. Giúp khử các chất độc có trong thức ăn: cyanhidrit (HCN), Solanin, chất gây ức chế men trypsin
- C. Giúp dịch tiêu hóa được thấm đều, làm tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn
- D. Tinh bột được thủy phân nhờ các enzyme có sẵn trong nguyên liệu hoạt động ở nhiệt độ thích hợp.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 1:** Thức ăn chăn nuôi là gì? Trình bày vai trò và ví dụ về các nhóm thức ăn với vật nuôi? Liên hệ thực tiễn?

**Câu 3:** Trình bày các khái niệm: Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi? Cho ví dụ minh họa?

**Câu 5:** Khái niệm bệnh? Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi? Cho ví dụ minh họa?

Hoàng Mai, ngày 30 tháng 11 năm 2023

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

Giáo viên bộ môn

Dương Thị Minh Oanh